

TÍNH CHỦ THỂ VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÙNG TÂY BẮC

*Phạm Thành Nghị**

Bài báo trình bày khái niệm tính chủ thể và vai trò của tính chủ thể đối với phát triển con người. Theo tác giả, tính chủ thể và phát triển con người có thể tìm thấy trong ít nhất ba mối quan hệ: phát triển con người và nâng cao năng lực, trình độ nhận thức; phát triển con người và động cơ lựa chọn; và phát triển con người và hành động trên thực tế đã tiến hành. Tác giả bài báo đã phân tích kết quả phỏng vấn người dân và cán bộ cộng đồng tại 12 cộng đồng thuộc 4 tỉnh vùng Tây Bắc để chứng minh rằng tính chủ thể của con người và cộng đồng vùng này còn khá thấp, tương ứng với trình độ phát triển con người ở đây.

1. Tính chủ thể của con người

Con người được coi là chủ thể của hoạt động. Trong quá trình xã hội hóa, con người tiếp thu những chức năng xã hội, trở thành thành viên của cộng đồng xã hội, chủ thể của hoạt động xã hội. Trong hoạt động cá nhân, con người là chủ thể, chủ động lập kế hoạch, thực hiện hoạt động theo kế hoạch để đạt được mục tiêu đặt ra. Trong giao tiếp, con người vừa là chủ thể, vừa là khách thể của hoạt động này. Tùy theo mức độ tiếp thu tri thức, tiếp thu các vai trò và chức năng xã hội, mà con người có thể chủ động thực hiện hoạt động của mình trong sự tự do nhất định.

Theo nghĩa triết học, tính chủ thể của con người (human agency) là khả năng con người đưa ra lựa chọn và thực thi lựa chọn đó một cách phù hợp với môi trường xung quanh. Thông thường tính chủ thể là sự năng động mang tính xã hội-lịch sử trong hoạt động của con người. Tính chủ thể, do vậy, càng cao khi con người có sự tự do, tính chủ động cao trong lựa chọn và

thực thi hoạt động. Theo quan niệm của Các Mác, tính chủ thể chỉ có ở con người như một thực thể xã hội, được tổ chức để hành động trong sự phối hợp với người khác, với nhóm, tập thể và với xã hội. Do vậy, tính chủ thể của con người khi tồn tại ở cấp độ nhóm, cộng đồng, tộc người và dân tộc mang bản sắc văn hóa của cộng đồng, tộc người và dân tộc.

Trong tâm lý học, có ba quan điểm nhìn nhận chủ thể của con người: chủ thể tự động, chủ thể máy móc và chủ thể tương tác (Bandura, 1986). Cách nhìn thứ nhất coi chủ thể có tính tự động, phụ thuộc vào hoạt động của chính con người; quan niệm này mang tính siêu hình. Cách nhìn thứ hai cho rằng sự kiện bên trong là sản phẩm của của tác động bên ngoài hoàn toàn máy móc không mang tính động cơ, tính sáng tạo hay sự tự điều chỉnh nào của chủ thể. Cách nhìn này phủ nhận tính chủ quan của cá nhân con người. Cách nhìn thứ ba, thuộc về lý thuyết nhận thức xã hội, đề xuất mô hình tương tác, ở đó các cá nhân không phải là chủ thể tự động, cũng không chỉ đơn thuần là chủ thể máy

* PGS.TS.; Viện Nghiên cứu Con người.

móc, chỉ chịu ảnh hưởng một chiều của môi trường, mà ở đó cá nhân đóng góp vào mối quan hệ bằng chính động cơ hay hành động của mình trong một hệ thống tương tác hai chiều. Trong mô hình mối quan hệ tương tác này, các yếu tố nhận thức, xúc cảm, hành động, và các yếu tố cá nhân khác cũng như yếu tố môi trường có sự tác động qua lại trong sự phụ thuộc và chi phối lẫn nhau. Bất cứ tác nhân nào từ bên ngoài cũng thông qua chủ thể, được tiếp nhận và thể hiện trong hành động phụ thuộc vào những yếu tố bên trong con người. Điều cần làm rõ ở đây là chủ thể con người hoạt động trong mối quan hệ qua lại theo cơ chế nào. Bandura (1989) đã đưa ra cơ chế chủ thể hành động qua niềm tin hiệu quả, hay nói cách khác, tính chủ thể được thể hiện qua việc thực hiện hoạt động theo mục tiêu được chủ thể xác định hoặc theo kết quả chủ thể dự báo trước. Cơ chế trung tâm trong số những cơ chế mà chủ thể cá nhân thường dùng là niềm tin về khả năng làm chủ sự kiện có ảnh hưởng đến cuộc sống của mình. Niềm tin này tác động thông qua quá trình can thiệp của nhận thức, động cơ và xúc cảm.

(1) Quá trình nhận thức được điều chỉnh bởi tư duy, ở đó chứa đựng mục tiêu *nhận thức*, còn việc xác định mục tiêu cá nhân chịu ảnh hưởng của sự đánh giá năng lực cá nhân. Tư duy cho phép con người dự báo sự xuất hiện sự kiện và xác định phương tiện tiến hành việc kiểm soát những gì tác động tới cuộc sống hàng ngày. Những người nhận biết được khả năng cá nhân với hiệu quả cao có thể nhìn thấy trước kịch bản đạt kết quả và có khả năng điều chỉnh kịch bản một cách tích cực để đạt tới mục tiêu hành động. Ngược lại, những người cho mình là kém hiệu quả sẽ nhìn thấy sự thất bại trong thực

hiện hành động, có thể từ chối hoạt động hoặc không tích cực tham gia hoạt động với người khác.

(2) Niềm tin về tính hiệu quả của bản thân còn xác định mức độ *động cơ* và mức độ cố gắng để vượt qua khó khăn. Càng tin tưởng vào năng lực của bản thân bao nhiêu, thì con người càng kiên trì và càng cố gắng nhiều bấy nhiêu để đạt mục đích đặt ra (Bandura, 1988).

(3) Niềm tin của con người vào năng lực bản thân tác động đến mức độ *xúc cảm*, mức độ căng thẳng hay phiền muộn phải trải qua trong những tình huống bị đe dọa và lo sợ. Mức độ xúc cảm có thể tác động đến hành động một cách trực tiếp hay gián tiếp làm thay đổi kết quả của quá trình tư duy. Những người tin rằng họ có thể kiểm soát được mỗi đe dọa tiềm tàng, họ sẽ không lo lắng, sợ hãi; và ngược lại, những người cho rằng mình không kiểm soát được mỗi đe dọa tiềm tàng phải trải nghiệm mức độ căng thẳng và sợ hãi cao.

(4) Con người có thể phải chịu một số ảnh hưởng trong suốt cuộc đời bởi *sự lựa chọn* môi trường và tạo dựng môi trường. Tính hiệu quả của cá nhân có tác động đến sự lựa chọn môi trường. Con người lẩn tránh các hoạt động và tình huống mà họ tin rằng vượt quá khả năng của họ; ngược lại, họ sẽ sẵn sàng đương đầu với những tình huống đó nếu họ cho rằng chúng nằm trong tầm kiểm soát của mình. Bất cứ yếu tố nào tác động đến lựa chọn của con người đều ảnh hưởng sâu sắc đến hướng phát triển của cá nhân.

Khả năng chủ thể được thể hiện qua việc tiến hành hoạt động đạt mục tiêu đã xác định. Hầu hết hành vi con người đều mang tính chủ đích và được điều tiết bởi mục đích dự tính trước. Con người dự tính chuỗi hoạt động, xác định mục tiêu và lập

kế hoạch cho mình. Thông qua hành động dự báo và chuẩn mực tự điều chỉnh, con người có động lực và tự điều chỉnh hành động của mình theo những tính toán đó. Những người ngay từ đầu được khuyến khích bởi mục tiêu tiên liệu trước bằng việc xác định cho mình các chuẩn mực cao và, do vậy, tạo ra thách thức cho chính mình và huy động năng lượng, sự cố gắng để đạt được mục tiêu. Việc đạt được chuẩn mực cao tạo ra niềm tin, sự phấn khích cho con người và, do đó, có cơ hội phát triển hơn. Ngược lại, con người không đạt mục tiêu dễ ra làm suy giảm sự hưng phấn. Trong tình huống này, những người tin vào năng lực của mình sẽ tập trung cố gắng để đạt mục tiêu, và ngược lại, những người không tin vào năng lực bản thân, sẽ dễ thất vọng bởi sự thất bại và cơ hội phát triển bị thu hẹp.

Cơ chế chủ thể tiến hành hoạt động thông qua kết quả đầu ra được dự tính trước là cách thức khác để điều tiết động cơ và hoạt động của con người. Mọi người cố gắng đạt được kết quả đầu ra dự tính và ngăn ngừa kết quả không mong muốn. Hiệu quả của kỳ vọng được điều tiết bởi niềm tin vào năng lực của bản thân. Con người có kỳ vọng cao, tin vào năng lực thực hiện tốt hoạt động, bảo đảm giá trị đầu ra. Ngược lại, con người sẽ không thực hiện hoạt động, nếu họ nghi ngờ khả năng thực hiện hoạt động của mình.

Tìm hiểu khái niệm chủ thể hoạt động của con người đưa ta đến vấn đề cơ bản của quyết định luận. Theo lý thuyết nhận thức xã hội, tự do không được nhận thức một cách tiêu cực, mà nó được xác định một cách tích cực dưới tác động của sự tự điều chỉnh bởi chính con người. Bandura (1989) đã nghiên cứu việc thực thi tính chủ thể thông qua quá trình tư duy và sự

tự điều chỉnh. Kỹ năng tự điều chỉnh có thể tác động đến sự lựa chọn và duy trì tiến trình hoạt động. Trong cùng một điều kiện môi trường như nhau, những người có nhiều kỹ năng thực hiện hoạt động có nhiều lựa chọn và thích nghi bằng việc điều chỉnh động cơ và hành vi của mình, sẽ thành công hơn so với những người có tính chủ thể thấp. Điều đó có thể lý giải rằng sự tự điều chỉnh hoạt động phụ thuộc vào mức độ tự xác định và, do đó, mức độ tự do.

Mỗi cá nhân trở thành chủ thể hoạt động của mình trong quan hệ với người khác. Con người, với tư cách là thành viên của nhóm, đóng góp và tạo ra tính chủ thể của nhóm. Tính chủ thể của nhóm, do đó, phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các thành viên với nhau và chất lượng mối quan hệ đó. Theo Đỗ Long (2001), tính chủ thể của nhóm phụ thuộc (1) vào mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, vào độ sâu cũng như nội dung các mối quan hệ; (2) vào chất lượng của nhóm và hình thái tích cực mang tính cộng đồng với tư cách là chính thể trong mối quan hệ với các nhóm khác và quan hệ với chính bản thân nhóm; (3) vào chất lượng nhóm thể hiện qua sự hình thành nên cảm giác "chúng ta" và hình ảnh "chúng ta". Trong cấu trúc nhóm, các thành viên đóng vai trò thủ lĩnh và các thành viên chủ chốt có vai trò quan trọng quyết định tính chủ thể của nhóm. Nhận thức, động cơ và hành động của các thành viên này có tính định hướng trong nhóm và trong cộng đồng.

2. Tính chủ thể và phát triển con người

Phát triển con người là sự chín muồi của năng lực cá nhân để con người có thể tự xác định xu hướng và hiện thực hóa bản thân (Chirkov và những người khác, 2003).

Phát triển con người, nhìn từ góc độ xã hội, là sự hội tụ các điều kiện đảm bảo cho con người quyết định cuộc sống của mình trên cơ sở sự lựa chọn của bản thân. Như vậy, phát triển con người ở cấp độ xã hội tương ứng với việc trao quyền cho con người được tự do lựa chọn lối sống, cách sống. Theo thuyết tự xác định của Deci và Ryan (2000), sự phát triển quyết định sự tự do lựa chọn và trao quyền cho con người đúng với bản chất của họ, vì rằng tiềm năng đưa ra sự lựa chọn độc lập, theo đuổi các động cơ tự thân, và sự biểu đạt cũng như tự xác định là đặc trưng bản chất chỉ có ở loài người. Xã hội không tạo ra khác biệt về tiềm năng con người một cách trực tiếp mà chỉ tạo ra khác biệt về các điều kiện xã hội, sự khuyến khích và cơ sở pháp lý cho phép con người phát triển và hiện thực hóa tiềm năng của mình. Quan điểm này về phát triển con người cho phép đo sự phát triển con người thông qua đo các điều kiện, đo sự ổn định và những biến đổi trong điều kiện cho phép con người phát triển (Welzel và Inglehart, 2006).

Phát triển con người và tính chủ thể có thể thấy ít nhất trong 3 mối quan hệ. *Thứ nhất*, phát triển con người và nâng cao năng lực thể hiện qua xác định mục tiêu, khả năng dự báo và khả năng đạt được các mục tiêu dự tính đó. Phát triển con người đi liền với nâng cao trình độ giáo dục, cung cấp thông tin và huy động trí tuệ của con người vào các hoạt động. Thông qua quá trình nhận thức, con người thu nhận kiến thức và hình thành năng lực, đặc biệt là khả năng tư duy, tầm nhìn và khả năng tiến hành các hoạt động sáng tạo để đạt kết quả. Cá nhân hoá việc trao quyền cho con người, về mặt xã hội, làm cho họ có khả năng hơn trong quan hệ trí tuệ để bắt

đầu và gia nhập vào hoạt động với người khác. Mức độ nhận thức các điều kiện khách quan và năng lực của chủ thể (cá nhân và nhóm), lựa chọn các phương tiện để đạt mục tiêu hoạt động là thành phần quan trọng trong tính chủ thể.

Thứ hai, con người không chỉ cần có khả năng lựa chọn mà phải muốn lựa chọn, tức là có động lực lựa chọn. Động cơ lựa chọn sẽ càng mạnh nếu nó được tạo ra bởi những giá trị tự thân, được chủ thể hoá. Định hướng giá trị, về cơ bản, được hình thành thông qua cơ chế xã hội hoá một cách tự động. Xã hội hoá cho phép các nền văn hoá tự sản sinh, truyền bá hệ giá trị từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ví dụ, các giá trị tuân thủ (vâng lời) đặt kỷ luật tập thể lên trên tự chủ cá nhân, giảm thiểu các hoạt động độc lập của cá nhân. Ngược lại, các giá trị cá nhân nhấn mạnh sự tự thể hiện mình, khuyến khích mạnh mẽ con người theo đuổi các hoạt động tự lựa chọn, thậm chí giảm bớt sự tuân thủ vào nhóm. Sự đa dạng làm giàu kinh nghiệm xã hội của con người. Con người ngày càng đánh giá cao các giá trị cá nhân và quyền tự chủ, sự đa dạng trong kinh nghiệm của bản thân. Động cơ lựa chọn và thực thi hoạt động càng cao, tính chủ thể càng cao.

Cuối cùng, tính chủ thể trong mối quan hệ phát triển con người không chỉ thể hiện qua nhận thức, năng lực thực hiện và động cơ lựa chọn mà còn thể hiện con người, nhóm người, trên thực tế đã tiến hành các hoạt động. Tính chủ thể cao khi con người tham gia vào tất cả các hình thức hoạt động của cuộc sống cộng đồng. Sự tham gia làm tối đa hóa việc sử dụng năng lực của con người. Sự tham gia tích cực vào hoạt động xã hội cho phép con người hiện thực hóa tiềm năng của mình, phát triển

chính năng lực của mình, đồng thời có thể đóng góp phần mình vào sự phát triển xã hội.

Như vậy, có thể xem xét tính chủ thể, cả ở cấp độ cá nhân và cấp độ cộng đồng, trên ba khía cạnh: nhận thức, thái độ (động cơ) và hành động. Chúng tôi sẽ phân tích tính chủ thể của con người Tây Bắc trên ba khía cạnh này.

3. Tính chủ thể của con người vùng Tây Bắc qua phân tích kết quả điều tra

Đề tài "Những vấn đề cơ bản về phát triển con người ở vùng Tây Bắc" đã tiến hành khảo sát 12 cộng đồng tại 4 tỉnh Tây Bắc (Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu) để tìm hiểu những nguyên nhân của đói nghèo, yếu kém trong phát triển giáo dục và y tế và tìm kiếm những giải pháp phát triển con người vùng này. Ngoài những quan sát, phân tích số liệu, nhóm nghiên cứu đã dành nhiều thời gian tìm hiểu tính chủ thể của con người và cộng đồng trong phát triển con người Tây Bắc thông qua phỏng vấn hai đối tượng: người dân và cán bộ cộng đồng. Nội dung phỏng vấn tập trung làm rõ nhận thức của người dân và cán bộ cộng đồng về nguyên nhân đói nghèo, động lực thoát nghèo, hành động thực tế họ đã thực hiện để thoát nghèo. Việc trao đổi cũng được tiến hành để tìm hiểu các vấn đề về giáo dục, y tế. Việc phân tích dữ liệu thu được giúp xác định mức độ biểu hiện tính chủ thể của con người Tây Bắc và mức độ phát triển con người trên phạm vi toàn vùng.

a) Nhận thức và năng lực của con người và cộng đồng

Khi thảo luận những nguyên nhân đói nghèo của gia đình và cộng đồng, cả hai nhóm tham gia phỏng vấn: người dân và cán bộ cộng đồng đều cho rằng nguyên nhân khách quan có tác động lớn hơn

nguyên nhân chủ quan. Trong nhóm người dân, 43 ý kiến đề xuất nguyên nhân chủ quan (học vấn thấp, thiếu kiến thức và kinh nghiệm sản xuất, đông con, tâm lý ỷ lại) là nguyên nhân đói nghèo; 49 ý kiến cho rằng nguyên nhân khách quan (thiên tai, điều kiện địa lý, khí hậu, bệnh dịch, thiếu giống, vốn v.v) là nguyên nhân đói nghèo; trong 49 ý kiến này, 34 ý kiến đưa ra các nguyên nhân có thể khắc phục được (sự trợ giúp, cơ sở hạ tầng kém v.v), 15 ý kiến đưa ra những nguyên nhân bất khả kháng (khí hậu, thiên tai). Trong khi đó hầu như không có ý kiến nào cho rằng sự yếu kém trong tập hợp, liên kết cộng đồng, trong xây dựng kế hoạch, trong phối hợp sức mạnh hay sự yếu kém trong tổ chức quản lý, lãnh đạo cộng đồng là nguyên nhân của sự đói nghèo.

Nhóm cán bộ cộng đồng có ý kiến hơi khác, họ đưa ra 36 ý kiến về nguyên nhân chủ quan, trong đó 32 ý kiến nhận định nguyên nhân thuộc về người dân, 4 ý kiến về yếu kém trong quản lý và 49 ý kiến thuộc nguyên nhân khách quan; trong số 49 ý kiến này, 23 ý kiến về nguyên nhân có thể cải tạo được và 16 ý kiến về nguyên nhân bất khả kháng. Tuy nhiên chỉ có 4 ý kiến về nguyên nhân đói nghèo liên quan đến cộng đồng; đó là sự yếu kém về năng lực, sự phối hợp và quản lý của cán bộ cộng đồng. Rõ ràng nhận thức của người dân và cán bộ cộng đồng về vai trò của sự phối hợp cộng đồng và vai trò của tổ chức, quản lý trong thoát đói giảm nghèo của cộng đồng hãy còn rất thấp. Hơn nữa, những nguyên nhân bên ngoài, khách quan được kể đến lần đầu các nguyên nhân chủ quan, cái mà người dân và cộng đồng có thể cố gắng khắc phục.

Về nguyên nhân yếu kém của giáo dục địa phương, trong số 57 ý kiến của người

dân, có tới 31 ý kiến cho rằng các điều kiện khách quan như chi phí học tập cao, lớp học ở xa nhà v.v. là nguyên nhân chính; trong khi đó chỉ có 26 ý kiến cho rằng những nguyên nhân chủ quan như nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục, khả năng tiếp thu, hạn chế về ngôn ngữ làm chậm sự phát triển giáo dục. Chỉ có 4 ý kiến đề xuất những nguyên nhân về vai trò cộng đồng, văn hóa cộng đồng, lãnh đạo, tổ chức cộng đồng.

Nhóm cán bộ cộng đồng đưa ra 65 ý kiến về nguyên nhân yếu kém của giáo dục; 30 ý kiến cho rằng chương trình nặng, chi phí cao, thiếu sự hỗ trợ của nhà nước v.v. là những nguyên nhân làm giáo dục địa phương kém phát triển, trong khi đó nguyên nhân chủ quan từ phía người dân được nhắc đến trong 19 ý kiến và những nguyên nhân từ phía cán bộ và tổ chức cộng đồng được nhắc đến trong 16 ý kiến. Chúng ta ai cũng thừa nhận những khó khăn khách quan của giáo dục vùng Tây Bắc, nhưng sự cố gắng nỗ lực từ phía người dân và đặc biệt cán bộ cộng đồng và các cấp chính quyền cơ sở, nếu cao hơn, có thể tạo ra động lực lớn hơn cho phát triển giáo dục vùng này.

Những nguyên nhân yếu kém của phát triển y tế ở vùng Tây Bắc cũng được người dân xác định chủ yếu là do các điều kiện khách quan như thiếu bệnh viện, trạm xá, kinh tế khó khăn, nhà nước hỗ trợ chưa đủ v.v. (38 ý kiến). Các yếu tố về cộng đồng chỉ được nhắc đến trong 10 ý kiến và nguyên nhân từ phía người dân chỉ được phản ánh trong 4 ý kiến. Cán bộ cộng đồng có ý kiến khá khác so với ý kiến người dân, họ cho rằng nguyên nhân chính của cuộc sống thiếu vệ sinh, gây ra bệnh tật là do người dân thiếu hiểu biết, chưa có lối sống hợp vệ sinh (32 ý kiến);

những nguyên nhân từ phía nhà nước tìm thấy trong 16 ý kiến và những nguyên nhân từ cộng đồng có trong 15 ý kiến.

Như vậy, xem xét nhận thức của người dân và cán bộ cộng đồng về nguyên nhân của đói nghèo, sự yếu kém về giáo dục và y tế cho thấy vai trò của chính cán bộ cộng đồng và người dân chưa được nhận thức đúng, các yếu tố khách quan được coi là những nguyên nhân chủ yếu. Điều này thể hiện tính chủ động của người dân và cán bộ cộng đồng vùng này còn khá thấp.

b) Hoạt động tham gia vào giải quyết các vấn đề cộng đồng xã hội

Tính chủ thể của cá nhân và cộng đồng thể hiện trên thực tế họ đã tham gia vào hoạt động giải quyết các vấn đề cá nhân và xã hội ở mức độ nào. Khi người dân và cán bộ cộng đồng được hỏi đã làm gì để phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo thì nhóm người dân nhắc đến các hành động như lao động chăm chỉ hơn, chia sẻ kinh nghiệm trong cộng đồng, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng và nhận những hỗ trợ của cộng đồng về tư vấn, tập huấn kinh nghiệm làm ăn và những hỗ trợ của nhà nước về vốn, giống, phân bón v.v.; có tới 14 ý kiến của người dân liên quan đến cố gắng của bản thân và gia đình, 28 ý kiến liên quan đến cố gắng của cán bộ cộng đồng và chính quyền và chỉ có 4 ý kiến liên quan đến hỗ trợ của nhà nước. Cán bộ cộng đồng có ý kiến khác biệt một chút, cố gắng người dân chỉ được nhắc đến trong 8 ý kiến, cố gắng của cộng đồng và chính quyền địa phương được nhắc đến trong 20 ý kiến và sự hỗ trợ của nhà nước được nêu trong 20 ý kiến. Ở đây tính chủ thể thể hiện rõ ràng hơn so với thành tố nhận thức.

Trong hoạt động cải thiện tình hình.

giáo dục, tính chủ thể thể hiện yếu hơn. Trong khi người dân có 6 ý kiến bàn về hành động của bản thân và gia đình và 6 ý kiến nói về cố gắng của cộng đồng, thì có tới 14 ý kiến về sự hỗ trợ của nhà nước. Cán bộ cộng đồng có nhấn mạnh đến hoạt động của cộng đồng trong phát triển giáo dục như vận động người dân đóng góp xây dựng trường sở, vận động cán bộ chủ chốt gương mẫu cho con cái đi học, vận động trẻ em đi học đúng độ tuổi (9 ý kiến). Tuy nhiên, ý kiến về sự can thiệp và hỗ trợ của ngành giáo dục và các cấp chính quyền vẫn chiếm đa số (27 ý kiến). Không có ý kiến nào của cán bộ cộng đồng nói đến sự tích cực hay cố gắng của người dân. Về hành động tăng cường phát triển giáo dục, tính tích cực của người dân và cán bộ cộng đồng hãy còn rất khiêm tốn so với sự hỗ trợ của nhà nước và sự cố gắng của ngành giáo dục.

Bức tranh tương tự cũng được tìm thấy trong ý kiến người dân và cán bộ cộng đồng về các hoạt động đã tiến hành để phát triển y tế. Hoạt động của người dân chỉ tìm thấy trong 3 ý kiến của nhóm người dân, cố gắng cộng đồng tìm thấy trong 12 ý kiến và sự hỗ trợ của nhà nước được phản ánh trong 8 ý kiến. Cán bộ cộng đồng nhấn mạnh đến sự hỗ trợ của nhà nước trong 23 ý kiến, cố gắng của cộng đồng trong 19 ý kiến và vai trò của người dân không được nhắc trong ý kiến của cán bộ cộng đồng trong hoạt động phát triển y tế tại địa phương.

Như vậy, khi phân tích tính chủ thể của người dân và cộng đồng trong thành tố hoạt động, chúng ta thấy sự cố gắng của người dân và cán bộ cộng đồng hãy còn khá khiêm tốn so với sự hỗ trợ của nhà nước.

c) Động cơ tham gia và lựa chọn của con người

Khi được hỏi về những giải pháp thoát đói giảm nghèo và phát triển giáo dục và y tế, chúng tôi mong muốn tìm thấy những kỳ vọng của người dân và cán bộ cộng đồng cũng như sự phân định trách nhiệm của chủ thể hoạt động. Kết quả trả lời cho thấy các ý kiến phản ánh mức độ cố gắng vượt qua khó khăn của chủ thể người dân và cộng đồng hãy còn rất thấp.

Ý kiến người dân về giải pháp xóa đói giảm nghèo phản ánh khá rõ xu thế này. Chỉ có 11 ý kiến người dân đề cập đến việc nâng cao năng lực, khả năng sản xuất của họ và cộng đồng, nhưng có tới 36 ý kiến đề cập đến các điều kiện về vốn, cơ sở hạ tầng, thị trường v.v. cản trở họ thoát nghèo và phát triển kinh tế. Rõ ràng động lực đằng sau các ý kiến này vẫn hướng chủ yếu vào các yếu tố bên ngoài, thay vì cố gắng của chính chủ thể người dân và cộng đồng. Người dân và cán bộ cộng đồng chưa thực sự xác định trách nhiệm chính của mình trong xóa đói giảm nghèo, mà vẫn quá ý lại sự trợ giúp của nhà nước.

Các ý kiến về giải pháp phát triển giáo dục và y tế cũng có bức tranh tương tự. Có 36 ý kiến người dân bàn về giải pháp phát triển giáo dục, trong đó 7 ý kiến nhắc đến giải pháp liên quan đến sự cố gắng cộng đồng và 29 ý kiến liên quan đến sự trợ giúp của nhà nước hay chủ yếu liên quan đến nhà nước. Không có ý kiến nào nhấn mạnh đến cố gắng của người dân và gia đình họ. Ý kiến của cán bộ cộng đồng cũng rất thiên lệch về vai trò của nhà nước trong phát triển giáo dục. Trong số 32 ý kiến mà họ đề xuất, có tới 30 ý kiến đề nghị sự hỗ trợ của nhà nước trung ương và địa phương, trong khi đó chỉ có 2 ý kiến liên quan đến cố gắng của cộng đồng.

Các giải pháp phát triển y tế cũng khá thiên lệch. Trong số 35 ý kiến của người

dân, chỉ có 1 ý kiến về tăng cường năng lực tiếng Việt để đọc tên thuốc liên quan đến cố gắng người dân, còn lại 24 ý kiến khác đề xuất sự hỗ trợ của nhà nước và chỉ có 11 ý kiến bàn về các giải pháp liên quan đến cố gắng của cộng đồng. Tương tự như ý kiến người dân, cán bộ cộng đồng đề xuất 3 ý kiến về nâng cao ý thức người dân, 10 ý kiến liên quan đến cố gắng của cộng đồng, nhưng có tới 26 ý kiến đề xuất sự hỗ trợ của nhà nước trong xây dựng trung tâm y tế, tăng chế độ phụ cấp cho cán bộ y tế thôn bản, tăng ngân sách cho y tế cơ sở, đào tạo cán bộ y tế thôn bản v.v. Như vậy, trong thành tố động lực, người dân cũng như cán bộ cộng đồng đề xuất giải pháp vẫn chủ yếu xuất phát từ nhân tố bên ngoài mà chưa chú ý nhiều vào phát huy các nguồn lực và sự cố gắng bên trong, vào nội lực và sự sẵn sàng của người dân cũng như cộng đồng để xóa đói, giảm nghèo, phát triển y tế và giáo dục.

Tóm lại, phát triển con người là sự mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực lựa chọn. Tính chủ thể của con người và cộng đồng trực tiếp phản ánh mức độ tận dụng cơ hội lựa chọn và mức độ thể hiện năng lực lựa chọn. Việc phân tích kết quả điều tra trên địa bàn 12 cộng đồng thuộc 4 tỉnh Tây Bắc cho thấy trên cả 3 thành tố của tính chủ thể: nhận thức, thái độ và hành động của người dân và cán bộ cộng đồng cho thấy tính chủ động, tích cực vượt qua khó khăn còn rất thấp. Tính tích cực của chủ thể thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận mục tiêu, thực hiện hoạt động để đạt mục tiêu đó. Thiếu tính tích cực, chủ động, thì ngay cả khi có sự trợ giúp lớn từ bên

ngoài, chủ thể cũng khó có thể sử dụng hiệu quả sự trợ giúp đó để phát triển, tăng cường năng lực và cải thiện vị thế của cá nhân và cộng đồng. Mức độ phát triển tính chủ thể của con người và cộng đồng ở Tây Bắc đã được phát hiện ở đây khá tương đồng với mức độ phát triển con người Tây Bắc trình bày trong bài "Một số vấn đề phát triển con người Tây Bắc qua số liệu thống kê" đăng trong số 1 (34) 2008, Tạp chí Nghiên cứu Con người.

Tài liệu tham khảo

1. Bandura A. (1986) *Social foundations of thought and action: A social cognitive theory*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
2. Bandura A. (1988) Self-regulation of motivation and action through goal systems. In V. Hamilton, G.H. Bower, & N.H. Frijda (eds.), *Cognitive perspectives on emotion and motivation* (tr.37-61). Dordrecht, Netherlands, Kluwer Academic Publishers.
3. Bandura A. (1989) Human Agency in Social Cognitive Theory, *American Psychologist*, Vo. 44, No.9, 1175-1184.
4. Đỗ Long (2001) Chủ thể tập thể - Một số dấu hiệu đặc trưng. *Tạp chí Tâm lý học*, số 2/2001, tr. 3-4.
5. Welzel C. & Inglehart R. (2006) The Human Development Model of Democracy: East Asia in Perspective, in Dalton R.J. & Shin D.C. (eds.) *Citizens, Democracy, and Markets Around the Pacific Rim: Congruence Theory and Political Culture*, Oxford University Press, tr. 21-49.